

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2022/DS-PT
Ngày: 22-9-2022
V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Tuấn Vũ;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 7 năm 2022, ngày 04 tháng 8 năm 2022 và 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2021/DS-ST ngày 24-11-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1964.

Bà Trần Thị K, sinh năm 1934; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà K: Bà Võ Thị T, là nguyên đơn trong vụ án. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2019); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lâm C, sinh năm 1946; nơi cư trú: số 344, Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Lý Quốc H, sinh năm 1971;

nơi cư trú: Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 06/4/2022); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Quốc H1, sinh năm 1973, nơi cư trú: Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.2. Ông Võ Văn L, sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp Suối C, xã Phước Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.3. Bà Võ Thị Th, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp Suối C B, xã Phước Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.4. Ông Võ Văn T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ 3, ấp 7, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.5. Bà Võ Thị H2, sinh năm 1967; nơi cư trú: Khu phố Lộc V, phường Lộc H, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.6. Bà Võ Thị Th1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Khu phố Hiệp L, phường Hiệp T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông H1, ông L, bà Th1, ông Tr, bà H1, bà Th: Bà Võ Thị T, là nguyên đơn trong vụ án. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2019); có mặt.

3.7. Bà Lý Tuyết H2, sinh năm 1966; có mặt.

3.8. Anh Ngô Trọng N, sinh năm 1995; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.9. Anh Ngô Trọng Â, sinh năm 1998; có mặt.

3.10. Bà Trương Ánh H3, sinh năm 1973; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.11. Anh Lý Minh K, sinh năm 1993; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.12. Chị Lý Minh T, sinh năm 1998; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.13. Ông Lý Quốc H4, sinh năm 1972; vắng mặt .

3.14. Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1972; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.15. Ông Lý Quốc T1, sinh năm 1974; có mặt.

3.16. Ông Lý Quốc B, sinh năm 1976; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.17. Ông Lý Quốc L2, sinh năm 1978; có mặt.

3.18. Ông Lý Quốc H, sinh năm 1971; có mặt.

Cùng nơi cư trú: Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

3.19. Ông Lý Quốc D, sinh năm 1969; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.20. Bà Lý Trúc M, sinh năm 1964; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Khu phố Tân L, phường Gia L, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn – bà Võ Thị T, bà Trần Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị K – bà Võ Thị T trình bày: Bà và vợ chồng ông Lý Văn M1, bà Lâm C là hàng xóm của nhau, giáp ranh đất nhau. Năm 2005, bà được UBND thị xã Tr cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (H)00264/15/2005/QĐ-CT ngày 07/02/2005, diện tích 147,7 m², thửa 163, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc diện tích đất nêu trên là của cha mẹ bà cho bà từ năm 1991, đầu năm 2000 đoàn đo đạc tiến hành đo đạc, vợ chồng ông M1 có ký tên vào biên bản đo đạc. Năm 2003, bà nâng cấp, sửa chữa nhà, bà có chừa ra 1,1 m dọc theo chiều dài đất, giáp ranh với đất ông M1, bà C. Khoảng tháng 3/2013 bà và vợ chồng ông M1 xảy ra tranh chấp ranh đất do vợ chồng ông M1 xây dựng nhà lấn qua ranh đất của bà đã chừa ra diện tích theo đo đạc thực tế 22,4 m². Nay bà yêu cầu bà C và các con bà C trả lại diện tích đất 22,4 m², thuộc thửa 163, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

Bà là người đại diện theo ủy quyền của mẹ bà – bà Trần Thị K. Bà K là chủ sử dụng diện tích đất 1.662,9 m², thửa 26, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00224 QSDĐ/128/2003/QĐ-CT (HL) do UBND thị xã Tr cấp ngày 07/5/2003. Giáp ranh đất bà K (hướng nam) là đất của ông M1, bà C, trước đây bà K có làm hàng rào tạm, không đúng vị trí do gia đình ông M1, bà C chiếm 83 m². Nay bà K yêu cầu bà C và các con bà C trả lại diện tích đất 83 m², thuộc thửa 26, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn bà Lâm C thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Bà và chồng bà Lý Văn Mỹ (chết năm 2014) có 09 người con gồm: Lý Trúc M, Lý Tuyết H2, Lý Trúc Phương (đã chết, có vợ là Trương Ánh H3 và các con là Lý Minh K, Lý Minh T), Lý Quốc D, Lý Quốc H, Lý Quốc H4, Lý Quốc T1, Lý Quốc B, Lý Quốc L2. Vợ chồng bà được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.193,8 m², thửa 35, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh. Diện tích đất trên vợ chồng bà sử dụng từ năm 1972 đến nay. Năm 1992, gia đình bà và gia đình bà T, bà K có thỏa thuận xác định ranh đất bằng trụ lục, trụ xi măng, năm 2003 bà T xây nhà và xác định ranh đất phía trước giáp đường Quốc lộ 22, đến năm 2011 bà T tranh chấp mượn nước giáp

ranh với đất của bà, sau đó bà T không tranh chấp nữa nên vợ chồng bà cho con gái là bà Hạnh xây nhà ở ổn định cho đến nay. Phần diện tích đất bà K tranh chấp vợ chồng bà đã xây dựng nhà ở từ trước năm 1972, đến năm 2005 bà K làm hàng rào lưới kẽm B40, có xây chân tường để xác định ranh đất giữa hai bên. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà K (tranh chấp 83 m²) và bà T (tranh chấp 22,4 m²) do ranh đất giữa các bên là gia đình bà K và bà T tự xác định và đã xây dựng hàng rào rõ ràng. Trường hợp diện tích đất tranh chấp thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và bà K thì bà đề nghị Tòa án xem xét công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà và các đồng thừa kế của ông M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Tuyết H2 trình bày: Diện tích đất bà T và bà K tranh chấp với gia đình bà Th1ộc quyền sử dụng của cha mẹ bà (ông M1, bà C). Từ khi cha bà chết đến nay thì mẹ bà và các chị em của bà tiếp tục sử dụng đất của cha bà chết để lại nhưng chưa phân chia. Bà xác định ranh đất giữa gia đình bà và gia đình bà K, bà T đã được xác định rõ ràng bằng hàng rào lưới kẽm B40 do bên phía bà K, bà T xây dựng từ năm 2003 trên nền ranh cũ đã được xác định từ trước năm 1972. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc H4 trình bày: Ranh đất giữa các bên đã được xác định từ xưa, có cột sắt và bụi tre làm ranh. Bên phía bà K tự phá tre, thuê thợ xây hàng rào lưới kẽm B40, trước đây bà T cũng tranh chấp đường thoát nước, không tranh chấp đất, sự việc cũng đã được hòa giải xong. Phần diện tích đất bà T, bà K tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Lý Văn M1, bà Lâm C. Hiện tại ông được ông M1, bà C cho một phần diện tích đất, ông đã xây nhà ở nhưng chưa được tách thửa, sang tên quyền sử dụng đất. Nay gia đình ông không lấn đất nên gia đình ông không đồng ý trả lại đất cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc H, ông Lý Quốc T1, ông Lý Quốc L2 trình bày: Nhận thấy thống nhất với lời trình bày của bà Lý Tuyết H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Trúc M, ông Lý Quốc D, ông Lý Quốc B thể hiện lời trình bày: Nhận thấy thống nhất với lời trình bày của bà Lý Tuyết H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Trọng N, anh Ngô Trọng Á, bà Trương Ánh H3, anh Lý Minh K, chị Lý Minh T, bà Nguyễn Thị Thúy D, ông Lý Quốc B, ông Lý Quốc D thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Lý Văn M1, bà Lâm C và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 175 Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Võ Thị T đối với bà Lâm C, bà Lý Tuyết H2, ông Lý Quốc H4, ông Lý Quốc H, ông Lý Quốc L2, ông Lý Quốc T1, anh Ngô Trọng N, anh Ngô Trọng Á, bà Trương Ánh H3, anh Lý Minh K, chị Lý Minh T, ông Lý Quốc B, ông Lý Quốc D, bà Lý Trúc M. Diện tích đất 22,4 m², là một phần thửa 163, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ 2001), loại đất: Đất ở đô thị (ODT); đất tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00264/15/2005/QĐ-CT ngày 07/02/2005 Ủy ban nhân dân thị xã Tr cấp cho bà Võ Thị T. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Trần Thị K tranh chấp với bà Lâm C, dài 1,97 m; Tây giáp Quốc lộ 22, trùng ranh đất; Nam giáp đất bà Lâm C dài 23,13 m; Bắc giáp đất bà Võ Thị T, dài 5,62 m + 4,88 m + 15,51 m. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Trần Thị K đối với bà Lâm C, bà Lý Tuyết H2, ông Lý Quốc H4, ông Lý Quốc H, ông Lý Quốc L2, ông Lý Quốc T1, anh Ngô Trọng N, anh Ngô Trọng Á, bà Trương Ánh H3, anh Lý Minh K, chị Lý Minh T, ông Lý Quốc B, ông Lý Quốc D, bà Lý Trúc M. Diện tích đất 83 m², là một phần thửa 26, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ 2001), loại đất: Đất vườn; đất tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00224 QSDĐ/128/2003/QĐ-CT (HL) ngày 07/5/2003 Ủy ban nhân dân thị xã Tr cấp cho bà Trần Thị K. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Lê Thị Thơ, dài 2,2 m; Tây giáp đất bà Võ Thị T tranh chấp với bà Lâm C, dài 1,97 m; Nam giáp đất bà Lâm C, dài 40,36 m; Bắc giáp đất bà Trần Thị K, dài 1,71 m + 38,78 m. (Có sơ đồ kèm theo).

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp sang cho hộ bà Lâm C theo bản án, nếu hộ bà Lâm C có yêu cầu điều chỉnh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 03/12/2021, bà Võ Thị T, bà Trần Thị K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phía bị đơn: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hạnh, anh Ân, ông Trung, ông Long, ông Huy: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 31/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh tuyên án vào ngày 24/11/2021. Ngày 03/12/2021, bà Võ Thị T, bà Trần Thị K có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự bà T, bà K kháng cáo trong thời hạn luật định, Tòa án tiến hành xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị T, bà Trần Thị K:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà K: Nguồn gốc diện tích đất 1.662,9 m² là của cha mẹ bà K cho bà K sử dụng trước năm 1975. Đến năm 2003, được UBND huyện Trảng Bàng (thị xã Tr) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00224 QSDĐ/128/2003/QĐ-CT (HL) ngày 05-7-2003. Ngày 28-4-2000, Tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của bà K thì chồng bà C, ông M1 có ký tên vào biên bản đo đạc. Bà K cho rằng do bà làm nhà máy xay đậu phộng nên sợ trộm cắp nên bà có làm hàng rào tạm vào năm 2004. Khi làm hàng rào thì bà chừa hàng rào cũ bên kia hàng rào mới giữa đất bà với đất bà C, ông M1 để tránh trộm cắp không phải xác định ranh đất. Bà C không thừa nhận qua thẩm định ranh đất thì hiện không còn hàng rào cũ, mà chỉ có hàng rào do bà K rào từ năm 2004, hiện trạng hàng rào là dưới xây chân tường gắn lưới B40 do bà K xây. Nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà K là có căn cứ. Bà K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà K.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T: Nguồn gốc đất bà T sử dụng là của bà K cho bà T diện tích 147,7 m² từ năm 1990, bà T xây nhà sinh sống. Năm 2000, bà T tự kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2000 có ông M1 ký tên (BL: 77).

Năm 2004, bà K và các con bà K, ông Võ Văn L, ông Võ Văn T, bà Võ Thị Th, bà Võ Thị H2, bà Võ Thị Th1, ông Võ Quốc H1 thống nhất cho bà T diện tích 147,7 m² (BL: 81,82). Ngày 13-12-2004, Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai đất bà T sử dụng (BL: 80). Bà T được Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay thị trấn Trảng Bàng) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số (H) 00264/13/2005/QĐ-CT ngày 07-02-2005 cho bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngày 21-02-2011, bà T có đơn khiếu nại về việc nhà ông M1, bà C thoát nước thải được chính quyền địa phương giải quyết nhưng các bên không thống nhất (BL: 300, 301). Năm 2012, ông M1 xây dựng nhà ở (hiện bà Hạnh đang sử dụng). Ngày 26-3-2013, bà T có đơn khởi kiện bà Lý Tuyết H2 cho rằng bà Hạnh xây nhà lấn qua đất bà T được Ủy ban nhân dân thị trấn Trảng Bàng giải quyết ngày 31-7-2013 không thành, bà T có đơn khởi kiện bà Hạnh đến Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là Tòa án nhân dân Thị xã Tr) về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Sau đó bà T rút đơn khởi kiện đối với bà Hạnh Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là Tòa án nhân dân Thị xã Tr) ra quyết định đình chỉ số: 65/2015/QĐST-DS ngày 31-8-2015 (BL: 03). Năm 2017, bà T có đơn khởi kiện bà Lâm C được Ủy ban nhân dân thị trấn Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay thị xã Tr) lập biên bản hòa giải ngày 31-3-2017 (BL: 04, 05, 06, 07).

[2.3] Đối với đất bà C và ông M1 thì ông M1 đã kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.193,8 m²; và đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20-12-2000 thì hướng giáp đường 782 có chiều ngang 17,71 m được UBND huyện Trảng Bàng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01037 ngày 12-7-2006 cho ông Lý Văn M1 đứng tên (BL: 74, 83). Biên bản thẩm định thực tế ngày 23/3/2022 và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 1245/SĐ-HT ngày 06-02-2020 thì đất ông M1, bà C thực tế sử dụng hướng giáp đường 782 là 18,31 m (BL: 323). Nên việc bà T cho rằng ông M1, bà C sử dụng lấn qua đất bà T có diện tích theo đo đạc thực tế 22,4 m² là có căn cứ. Do đó, bà C đã sử dụng nên cần buộc bà C và các con bà C có trách nhiệm trả tiền cho bà T theo giá đã định là 239.680.000 đồng là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà K. Chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về phần bác đơn kháng cáo của bà K. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 31//2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà T 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo. Do bà K là người cao tuổi có đơn xin miễn nên miễn chịu tiền án phí phúc thẩm cho bà K.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 175 Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 14, 26, 27 khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị T.

2. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị K.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Võ Thị T đối với bà Lâm C, bà Lý Tuyết H2, ông Lý Quốc H4, ông Lý Quốc H, ông Lý Quốc L2, ông Lý Quốc T1, anh Ngô Trọng N, anh Ngô Trọng Â, bà Trương Ánh H3, anh Lý Minh K, chị Lý Minh T, ông Lý Quốc B, ông Lý Quốc D, bà Lý Trúc M yêu cầu trả diện tích đất 22,4 m², là một phần thửa 163, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ 2001), loại đất: Đất ở đô thị (ODT); đất tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00264/15/2005/QĐ-CT ngày 07/02/2005 Ủy ban nhân dân thị xã Tr cấp cho bà Võ Thị T. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Trần Thị K tranh chấp với bà Lâm C, dài 1,97 m; Tây giáp Quốc lộ 22, trùng ranh đất; Nam giáp đất bà Lâm C dài 23,13 m; Bắc giáp đất bà Võ Thị T, dài 5,62 m + 4,88 m + 15,51 m (có sơ đồ kèm theo).

5. Buộc bà Lâm C, bà Lý Tuyết H2, ông Lý Quốc H4, ông Lý Quốc H, ông Lý Quốc L2, ông Lý Quốc T1, anh Ngô Trọng N, anh Ngô Trọng Â, bà Trương Ánh H3, anh Lý Minh K, chị Lý Minh T, ông Lý Quốc B, ông Lý Quốc D, bà Lý Trúc M có trách nhiệm trả bà Võ Thị T số tiền 239.680.000 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền giá trị đất diện tích 22,4 m².

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Bà Lâm C, bà Lý Tuyết H2, ông Lý Quốc H4, ông Lý Quốc H, ông Lý Quốc L2, ông Lý Quốc T1, anh Ngô Trọng N, anh Ngô Trọng Â, bà Trương Ánh H3, anh Lý Minh K, chị Lý Minh T, ông Lý Quốc B, ông Lý Quốc D, bà Lý Trúc M được quyền sử dụng diện tích đất 22,4 m², là một phần thửa 163, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ 2001), loại đất: Đất ở đô thị (ODT); đất tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00264/15/2005/QĐ-CT ngày 07/02/2005 Ủy ban nhân dân thị xã Tr cấp cho bà Võ Thị T. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Trần Thị K tranh chấp với bà Lâm C, dài 1,97 m; Tây giáp Quốc lộ 22, trùng ranh đất; Nam

giáp đất bà Lâm C dài 23,13 m; Bắc giáp đất bà Võ Thị T, dài 5,62 m + 4,88 m + 15,51 m (có sơ đồ kèm theo).

7. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Trần Thị K đối với bà Lâm C, bà Lý Tuyết H2, ông Lý Quốc H4, ông Lý Quốc H, ông Lý Quốc L2, ông Lý Quốc T1, anh Ngô Trọng N, anh Ngô Trọng Á, bà Trương Ánh H3, anh Lý Minh K, chị Lý Minh T, ông Lý Quốc B, ông Lý Quốc D, bà Lý Trúc M. Diện tích đất 83 m², là một phần thửa 26, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ 2001), loại đất: Đất vườn; đất tọa lạc tại Khu phố Gia H, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00224 QSDĐ/128/2003/QĐ-CT (HL) ngày 07/5/2003 Ủy ban nhân dân thị xã Tr cấp cho bà Trần Thị K. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Lê Thị Thơ, dài 2,2 m; Tây giáp đất bà Võ Thị T tranh chấp với bà Lâm C, dài 1,97 m; Nam giáp đất bà Lâm C, dài 40,36 m; Bắc giáp đất bà Trần Thị K, dài 1,71 m + 38,78 m (có sơ đồ kèm theo).

8. Án phí phúc thẩm dân sự: Bà Võ Thị T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm dân sự. Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tr hoàn trả lại cho bà Võ Thị T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0026336 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực, pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND T.X Trảng Bàng;
- CCTHADS T.X Trảng Bàng;
- Phòng KTNV;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hồng Vân

